TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được;

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp Bến Đ, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2002 chị và anh Trần Văn T được sự mai mối của hai bên gia đình nên tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi cưới chị và anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang. Quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân là do anh T ghen tuông vô cớ, thường xuyên rượu chè, chửi mắng và đánh chị nhiều lần nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không liên lạc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về nuôi con tên: Trần Văn Ch, sinh ngày 29/4/2003 đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Thị Yến T, sinh ngày 10/4/2007, hiện tại anh T đang nuôi dưỡng, chị T đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn T, về con chung tên Trần Văn Ch, sinh ngày 29/4/2003 đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và Trần Thị Yến Tr, sinh ngày 10/4/2007, hiện tại anh T đang nuôi dưỡng, chị T đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Tr có nguyện vọng sống chung với anh T. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được quyền nuôi con chung tên Trần Thị Yến Tr, sinh ngày 10/4/2007. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị Thanh T nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Trần Văn T là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Trần Văn T, địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] *Về hôn nhân*: Vào năm 2002, chị T và anh T xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do anh T ghen tuông vô cớ, thường xuyên rượu chè, chửi mắng và đánh chị nhiều lần nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn T đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh T chị cương quyết xin ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đều vắng mặt không lý do thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tiền, về hôn nhân xử cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn T.

[4] *Về con chung tên:* Trần Văn Ch, sinh ngày 29/4/2003 đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và Trần Thị Yến Tr, sinh ngày 10/4/2007, hiện tại anh T đang nuôi dưỡng, chị T đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy thời gian vợ chồng chị T sống ly thân, anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Tại phiên tòa, chị T đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và cháu Tr có nguyện vọng sống chung với anh T. Căn cứ vào Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Thị Yến Tr, sinh ngày 10/4/2007 cho anh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn T.

- *Về con chung tên*: Trần Văn Ch, sinh ngày 29/4/2003 đã thành niên chị Tiền không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thị Yến Tr, sinh ngày 10/4/2007 khi ly hôn.

Chị Lê Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:* Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015611, ngày 08 tháng 02 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà